

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 921/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Hoàng Liễu

2. Ông Phan Hoàng Nam

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 338/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 304/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Minh K, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2021, các bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị T và ông Đặng Minh K chung sống với nhau hợp pháp và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109, quyền số 01/2004 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/9/2004. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường hay gây gổ, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay bà Nguyễn Thị T nhận thấy tình

cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đặng Minh Khánh.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Thu H, sinh ngày 07/3/2005. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Đặng Minh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 21/6/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Minh K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên Quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị T và ông Đặng Minh K chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông K, bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: 21/6/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng ông Đặng Minh K không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt ông Đặng Minh K là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế. Nguyên nhân mâu thuẫn do không phù hợp tính tình, vợ chồng không thể nói chuyện với nhau.

Theo kết quả xác minh của Công an xã T, Thành phố Hồ Chí Minh: “ Qua xác minh ông Đặng Minh K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp 4, xã T, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và thực tế đang cư trú tại địa chỉ trên”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập các bên đến để hòa giải hàn gắn gia đình theo quy định; tuy nhiên, ông K không đến Tòa án là không có thiện chí đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, cũng như không có ý kiến phản hồi phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”.

Đối chiếu nội dung sự việc với các quy định của pháp luật thì việc bà T yêu cầu ly hôn với ông K là có đủ cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T .

[3.2] Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Thu Hà, sinh ngày 07/3/2005. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Đặng Minh K cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã T: “Bà Nguyễn Thị T và ông Đặng Minh K có chung với nhau một người con 17 tuổi. Hiện nay bé đang sống chung với Mẹ tại nhà trọ ở Tân Phú từ tháng 12/2021 đến nay...”

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Toà án đã tiến hành lập biên bản ghi nhận nguyện vọng của con chung, theo đó trẻ H có nguyện vọng được sống chung với Mẹ, từ nhỏ cho đến nay đều sống với Mẹ

và Mẹ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Toà án đã tổng đạt hợp lệ cho ông K các biên bản không tiến hành hoà giải được, trong đó nêu rõ nội dung bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên ông K không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu trên.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T .

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Đặng Minh K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 109, quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/9/2004 không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung:

Giao con chung Đặng Nguyễn Thu H, sinh ngày 07/3/2005 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đặng Minh K không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở ông K thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0040363 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; bà T đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (12).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



**Phạm Thị Tuyết**